TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN TỈNH TRÀ VINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tiểu Cần, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Số: 16 /2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 80/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Ấp Trinh Ph, xã Long Th, huyện T, tỉnh T.

Người đại diện ủy quyền của anh Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1955; Địa chỉ: ấp Kinh X, xã Hiếu T, huyện T, tỉnh T

- Bị đơn: Chị Nguyễn Trần Phương Th, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Ấp Trinh Ph, xã Long Th, huyện Tiểu C, tỉnh Trà V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bị đơn chị Nguyễn Trần Phương Th: Luật sư Trần Ngọc Hân thuộc công ty luật TNHH MTV An Khang.

Địa chỉ: số 175, Trần Văn Kh, phường Cái Kh, quận Ninh K, thành phố C

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1956 và bà Dương Thị Đ, sinh năm 1957; Cùng địa chỉ: ấp Trinh Ph, xã Long Th, huyện Tiểu C, tỉnh Trà V

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho ông Nguyễn Văn Ch và bà Dương Thị Đ: Luật sư Trần Thị Đ, văn phòng Luật sư Nguyên Phúc thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ: khóm 2, thị trấn Châu Th, huyện Châu Th, tỉnh Trà V

Căn cứ vào Đ 212 và Đ 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Đ 55, 58, 59, 81, 82 và Đ 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm Đ cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Trần Phương Th

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Trần Phương Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị Th thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Nhựt T, sinh ngày 17/7/1999 và Nguyễn Nhật T, sinh ngày 09/10/2007. Anh T và chị Th thống nhất con chung Nguyễn Nhựt T hiện đã thành niên và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhựt T là phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với cha của cháu Tân, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

- Về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Trần Phương Th thống nhất tài sản chung của vợ chồng là một căn nhà ở kết cấu móng cột bê tông cốt thép tường xây gạch, sơn bê nền gạch men, máy tôl có diện tích là 60, 90 m^2 và một chuồng heo kết cấu cột bê tông cốt thép đúc sẵn máy tol thiếc, kèo đòn tay thép hợp không vách diện tích là 4,2 mét x 9,7 mét = 40,74 m^2 nằm trên diện tích đất 491,8 m^2 thuộc thửa 44 tờ bản đồ số 23 loại đất ở và trồng cây lâu năm do ông Nguyễn Văn Ch và bà Dương Thị Đ đứng tên quyền sử dụng đất

Anh Nguyễn Văn T; chị Nguyễn Trần Phương Th; ông Nguyễn Văn Ch và bà Dương Thị Đ thống nhất: Ông Nguyễn Văn Ch và bà Dương Thị Đ được sử dụng một căn nhà ở kết cấu móng cột bê tông cốt thép tường xây gạch, sơn bê nền gạch men, máy tôl có diện tích là 60, 90 m^2 và một chuồng heo kết cấu cột bê tông cốt thép đúc sẵn máy tol thiếc, kèo đòn tay thép hợp không vách diện tích là 4,2 mét x 9,7 mét = 40,74 m^2 nằm trên diện tích đất 491,8 m^2 thuộc thửa 44 tờ bản đồ số 23 loại đất ở và trồng cây lâu năm do ông Nguyễn Văn Ch và bà Dương Thị Đ đứng tên quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Văn Ch và bà Dương Thị Đ thống nhất hoàn trả giá trị bằng 200.000.000 đồng. Anh T thống nhất cho chị Th hưởng toàn bộ giá trị, chị Th không phải hoàn trả giá trị cho anh T nên ông Nguyễn Văn Ch và bà Dương Thị Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cho chị Th bằng 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Đ 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về nợ chung: Đã được Tòa án giải quyết bằng một quyết định khác đã có hiệu lực pháp luật.

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.150.000 đồng: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 575.000 đồng, chị Nguyễn Trần Phương Th tự nguyện chịu 575.000 đồng , anh T và chị Th đã nộp xong nên không phải nộp tiếp.

- **Về án phí hôn nhân**: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Trần Phương Th mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng do anh T tự nguyện chịu thay 75.000 đồng án phí cho chị Th nên anh T phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà anh T đã nộp trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003544 ngày 17/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Anh Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền 150.000 đồng án phí.

- Về án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng chị Nguyễn Trần Phương Th tự nguyện chịu 2.500.000 đồng, bà Dương Thị Đ và ông Nguyễn Văn Ch tự nguyện chịu 2.500.000 đồng, nhưng do bà Đ ông Ch là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà Đ và ông Ch không phải chịu án phí. Chị Nguyễn Trần Phương Th còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 2.500.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4**.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Đ 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đ 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Đ 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Long Thới , huyện Tiểu Cần;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thạch Thị Thu Hiền